| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Cao Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Văn Lợi

Bà Hoàng Thị Thúy.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

***- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2019/TLST-HN ngày 22/7/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX-ST ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1982** (vắng mặt)

**- Bị đơn: Anh Mai Đình Q, sinh năm: 1978 (**vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay anh Mai Đình Q đang chấp hành án tại K3, đội 19,Trại giam Thanh Phong. Địa chỉ: Thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/7/2019, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Mai Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/06/2004 tại UBND xã Quảng T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không tu chí làm ăn, chơi bời, sử dụng ma túy. Năm 2016 anh Q vi phạm pháp luật bị kết án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện đang chấp

hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong, từ khi anh Q đi chấp hành án vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung, vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là cháu Mai Đình H sinh ngày 17/7/2001 và cháu Mai Đình M sinh ngày 13/7/2006. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, đơn đề nghị không tham gia hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn là anh Mai Đình Q trình bày: Anh Q và chị N kết hôn vào ngày 22/06/2004, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì anh vi phạm pháp luật, bị xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện anh đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong. Từ ngày anh đi chấp hành án chị N cũng thỉnh thoảng lên thăm anh nhưng từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N vỡ nợ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay chị N làm đơn ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Q và chị N có 02 con chung là cháu Mai Đình H sinh ngày 17/7/2001 và cháu Mai Đình M sinh ngày 13/7/2006. Nguyện vọng của anh sau ly hôn muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác định: Chị N và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Được thời gian thì cuộc sống của anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên chị N và anh Q không báo cáo với chính quyền địa phương. Năm 2016 anh Q vi phạm pháp luật bị xét xử về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", Từ ngày anh đi chấp hành án vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị N có đơn xin đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị N và anh Mai Đình Q đều có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến đại diện VKSND huyện Quảng Xương:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HDXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N, cho chị N được ly hôn anh Mai Đình Q.

Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là cháu Mai Đình H sinh ngày 17/7/2001 và cháu Mai Đình M sinh ngày 13/7/2006. Giao cháu Mai Đình M cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đã trưởng thành nên chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn với anh Q nơi ĐKHKTT tại Thôn Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là tranh chấp thuộc thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Mai Đình Q hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết vụ án chị N, anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Mai Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không tu chí làm ăn vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành hình phạt tù làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Từ ngày anh Q đi chấp hành án, vợ chồng không chung sống cùng nhau dẫn đến tình cảm nhạt phai, không quan tâm đến nhau, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh Q thấy tình cảm vợ chồng đang còn không đồng ý ly hôn với chị N. Tuy nhiên anh cũng khẳng định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân không ai quan

tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị N được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là cháu Mai Đình H sinh ngày 17/7/2001 và cháu Mai Đình M sinh ngày 13/7/2006. Cháu H đã trưởng thành chị N, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu M, chị N, anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Hội đồng xét xử xét thấy anh Q hiện đang chấp hành án phạt tù, chưa có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con; hiện tại cháu M đang ở với chị N, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ. Vì vậy giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu M là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu, đúng quy định của pháp luật. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con vì vậy anh Mai Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* Xử:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Mai Đình Q.

- Về con chung: Giao cháu Mai Đình M sinh ngày 13/7/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001649 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sư./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- UBND xã Q, Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Cao Văn Tuấn**